

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội,  
mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng xin trình Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ cấp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Căn cứ pháp lý**

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

**2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ cấp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Triển khai thực hiện Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (viết tắt là Nghị định 136/2013/NĐ-CP); Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 12/5/2016 sửa đổi bổ sung khoản 2 và khoản 4 điều 11 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Cao Bằng đã ban hành Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 về mức trợ giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Quyết định 04/2021/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 sửa đổi một số điều của Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 về mức trợ giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, cụ thể:

Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh là 270.000 đồng, bằng với mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định 136/2013/NĐ-CP. Thực hiện 04 chính sách trợ giúp xã hội là Trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng (06 nhóm đối tượng được hưởng trợ cấp hàng tháng, ứng với các hệ



số tương ứng); Trợ giúp xã hội đột xuất; Hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội.

Từ năm 2013 đến năm 2020, tỉnh Cao Bằng đã có 116.395 lượt đối tượng được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng, tổng kinh phí trên 471.861 triệu đồng, kinh phí trợ cấp bình quân 58.982 triệu đồng/năm. Số người được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tăng theo từng năm, năm 2013 là 13.601 người đến năm 2020 là 16.462 người (chiếm khoảng 3,17% dân số toàn tỉnh), chủ yếu là nhóm người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên, người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng, trẻ em mồ côi, mất nguồn nuôi dưỡng. Thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội khoảng 250 lượt người/năm, số kinh phí thực hiện trên 20.875 triệu đồng. Thực hiện trợ giúp đột xuất cho 13.817 trường hợp, kinh phí 16.492 triệu đồng. Ngoài ra, tỉnh đã huy động thêm các nguồn lực xã hội hóa, đóng góp của các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm để hỗ trợ cho đối tượng nêu trên. Qua thực hiện hỗ trợ đã giúp các đối tượng không may gặp phải hoàn cảnh khó khăn giảm thiểu gánh nặng về kinh tế, có điều kiện khắc phục những rủi ro, từng bước ổn định cuộc sống, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, dự báo trong thời gian tới, Việt Nam nói chung, tỉnh Cao Bằng nói riêng phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức như vấn đề già hoá dân số, tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và nhiều nguyên nhân khác nhau làm gia tăng số người cao tuổi khuyết tật, hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, đòi hỏi hệ thống chính sách an sinh xã hội và trợ giúp xã hội tiếp tục có sự đổi mới theo hướng đồng bộ, bao phủ và đủ sức làm tốt vai trò phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân.

Vì vậy, ngày ngày 15/3/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (viết tắt là Nghị định 20/2021/NĐ-CP), thay thế Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Điều 17 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; các điều từ Điều 40 đến Điều 43 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về việc thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội; các điều từ Điều 15 đến Điều 23 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

Tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01/7/2021 là 360.000 đồng/tháng, tăng 90.000 đồng/tháng so với



mức chuẩn quy định tại 136/2013/NĐ-CP (270.000 đồng/tháng). Đồng thời, bổ sung thêm một số đối tượng được hỗ trợ<sup>1</sup>.

Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định: “Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định 20”.

Vì vậy, để tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội là người cao tuổi, người khuyết tật, hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng bảo đảm kịp thời, đúng quy định, việc ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là rất cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, đảm bảo triển khai thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội kịp thời, công bằng, công khai, minh bạch, đúng quy định.

### **2. Quan điểm xây dựng nghị quyết**

Mức chuẩn trợ cấp xã hội, mức trợ cấp xã hội được quy định là căn cứ pháp lý để các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng áp dụng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, không tăng mức trợ cấp và mở rộng đối tượng.

---

<sup>1</sup> Nghị định 20/2021/NĐ-CP bổ sung thêm các đối tượng được trợ giúp xã hội: (1) Người cao tuổi từ 75 đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc diện người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, đang sống tại địa bàn các xã thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn; (2) Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc diện đối tượng là trẻ em mồ côi, con người đơn thân, trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo, trẻ em khuyết tật nặng, đặc biệt nặng, đang sống tại địa bàn các xã thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn; (3) Đối với người đơn thân nuôi con bổ sung thêm hộ cận nghèo, và mỗi con tương ứng với hệ số 1,0 (Theo Nghị định 136 quy định 01 con là 1,0; từ 02 con trở lên hệ số 2,0); (4) Bổ sung thêm hỗ trợ nhu yếu phẩm thiết yếu: Đối tượng có hoàn cảnh khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc lý do bất khả kháng khác mà mất nhà ở và không có khả năng tự bảo đảm các nhu cầu thiết yếu thì được xem xét hỗ trợ từ nguồn lực huy động hoặc nguồn dự trữ quốc gia: lều bạt, nước uống, thực phẩm, chăn màn, xoong nồi, chất đốt, xuồng máy và một số mặt hàng thiết yếu khác phục vụ nhu cầu trước mắt, tại chỗ; (5) Bổ sung hỗ trợ kinh phí cho trường hợp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng mỗi một trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng; (6) Bổ sung đối tượng: Người chưa thành niên, người không còn khả năng lao động là đối tượng thuộc diện chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.



### III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

- Căn cứ Thông báo số 96/TB-HĐND ngày 28/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị cho kỳ họp thứ hai HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026, trong đó giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì soạn thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Căn cứ công văn số 108a/HĐND-CTHD ngày 16/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc bổ sung danh mục Nghị quyết trình kỳ họp thứ hai HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026, UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trình kỳ họp tháng 7/2021.

- Sau khi xây dựng Hồ sơ dự thảo Nghị quyết, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức lấy ý kiến của Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan; đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và trang Thông tin điện tử của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời hạn 30 ngày để lấy ý kiến các cơ quan, địa phương, tổ chức, cá nhân liên quan.

- Sở Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 128/BCTĐ-STP ngày 16/7/2021; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã giải trình, tiếp thu các ý kiến thẩm định tại Báo cáo số 1023/BC-LSĐTBXH ngày 16/7/2021.

- Hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được UBND tỉnh xem xét, thông qua bằng hình thức lấy ý kiến các thành viên UBND tỉnh trên phần mềm họp không giấy (ngày 16/7/2021).

### IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

#### 1. **Bố cục:** Dự thảo nghị quyết gồm 03 điều:

Điều 1. Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

#### 2. **Nội dung cơ bản của chính sách**

Nội dung của dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, gồm:

a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 360.000 đồng/tháng.



b) Mức trợ giúp xã hội: Thực hiện theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

#### V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

1. Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng: 360.000 đồng/tháng.

2. Mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng: Thực hiện theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

*Gửi kèm theo Tờ trình các văn bản:*

(1) Dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

(2) Văn bản của cơ quan chủ trì xây dựng Nghị quyết về Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức và bản chụp ý kiến góp ý;

(3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;

(4) Báo cáo của cơ quan chủ trì xây dựng Nghị quyết về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên; -
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Lao động-Thương binh và Xã hội;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, VX.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh





1. 2. 3. 4. 5.

... ..

...



Số: /2021/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội  
áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

b) Đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.



3. Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội

a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 360.000 đồng/tháng.

b) Mức trợ giúp xã hội: Thực hiện theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Do ngân sách nhà nước đảm bảo.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XVII, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP;
- Báo CB, Công TTĐT tỉnh (đăng, đưa tin);
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

**CHỦ TỊCH**



Số: 128/BCTĐ-STP

Cao Bằng, ngày 16 tháng 7 năm 2021

## **BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**

### **Dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Sở Tư pháp nhận được Tờ trình số 1001/TTr-SLĐTBXH ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

#### **1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật**

Nội dung dự thảo nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

#### **2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên**

Nội dung của dự thảo nghị quyết phù hợp với quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét, chỉnh sửa các nội dung sau:

- Tại điểm c khoản 3 Điều 1 dự thảo quy định “*Thời gian áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội: Thực hiện theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội*”. Nghị định số 20/2021/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021; tuy nhiên, theo quy định tại Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì hiệu lực của nghị quyết HĐND tỉnh được xác định như sau:

**“Điều 151. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật**



1. Thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; không sớm hơn 07 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã. ...”

Khoản 3 Điều 152 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định “*Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt không được quy định hiệu lực trở về trước*”.

Do đó, việc dự thảo quy định như trên là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị cơ quan soạn thảo cần xem xét quy định cho phù hợp.

- Tại khoản 4 Điều 1, để phù hợp với nội dung của văn bản quy phạm pháp luật đề nghị bỏ nội dung “*sẽ thực hiện chi trả cho đối tượng khi có kinh phí Trung ương cấp cho tỉnh*”.

- Tại Điều 2, dự thảo cần bỏ nội dung “*Nghị quyết có hiệu lực thi hành 10 ngày kể từ ngày thông qua*”, vì hiệu lực thi hành của nghị quyết đã được quy định tại Điều 3 của dự thảo.

### 3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Căn cứ quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP dự thảo cần chỉnh sửa các nội dung sau:

- Tại căn cứ pháp lý thứ nhất và thứ 2, đề nghị trình bày trên cùng một dòng, cụ thể:

“*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*”

- Tại Điều 1, để đảm bảo tính logic, hợp lý của nội dung dự thảo, đề nghị chỉnh sửa tên của điều như sau<sup>1</sup>:

“**Điều 1.** Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

...”

<sup>1</sup> Nội dung này Sở Tư pháp đã có ý kiến góp ý tại Công văn số 574/STP-NV1 ngày 17/6/2021. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo chưa chỉnh sửa dự thảo.



#### 4. Kết luận

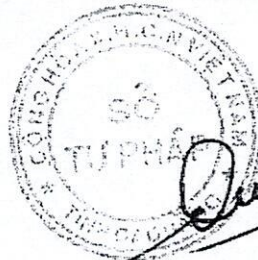
Qua thẩm định, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa các nội dung nêu trên. Sau chỉnh sửa, dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đủ điều kiện trình UBND tỉnh thông qua trước khi trình HĐND tỉnh theo quy định.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng./.

**Nơi nhận:**

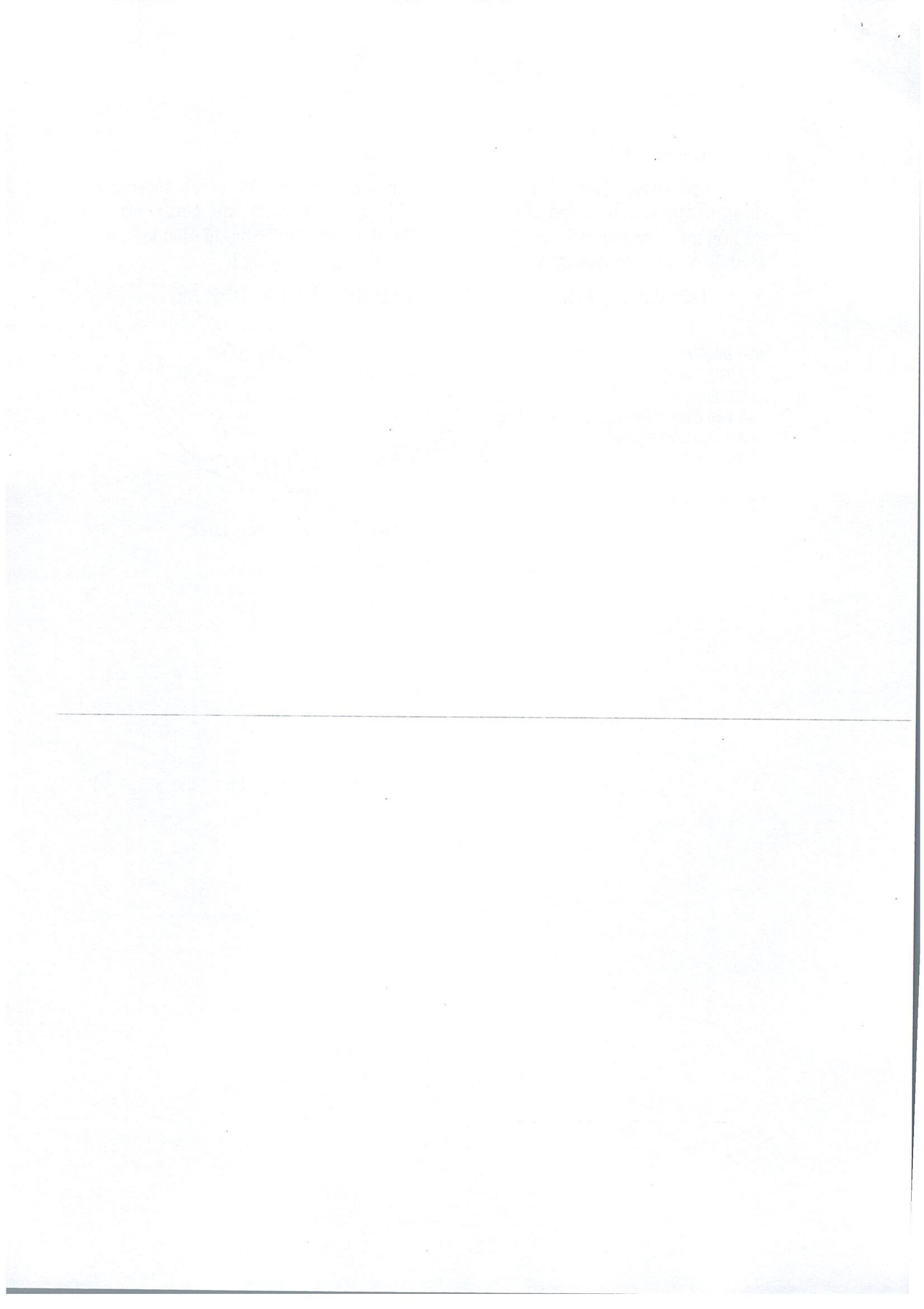
- HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Lãnh đạo Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NV1.

**GIÁM ĐỐC**



**Bàn Thanh Hiền**







Số: 1024 /TTr-SLĐTBXH

Cao Bằng, ngày 16 tháng 7 năm 2021

### TỜ TRÌNH

Về việc dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội,  
mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Công văn số 380/UBND-TH ngày 23/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng nghị quyết trình kỳ họp tháng 7/2021;

Căn cứ công văn số 108a/HĐND-CTHD ngày 16/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc bổ sung danh mục Nghị quyết trình kỳ họp thứ hai HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ báo cáo thẩm định số 128/BCTĐ-STP ngày 16/7/2021 của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo Công văn số 200/STP-NV1 ngày 05/3/2021 của Sở Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Dự thảo Nghị quyết đã được gửi cho Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng, các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham gia ý kiến, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, mạng điện tử của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và gửi Sở Tư pháp thẩm định. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, thẩm định của Sở Tư pháp, Sở đã xem xét, tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo.



Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh./.

*Đính kèm:*

1. Tờ trình của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết (gửi bản giấy);
2. Dự thảo nghị quyết (gửi bản giấy);
3. Báo cáo thẩm định số 128/BCTĐ-STP ngày 16/7/2021 của Sở Tư pháp; Báo cáo số 1023/BC-SLĐTBXH ngày 16 /7/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, về báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định về dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (gửi bản giấy);
4. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân; của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (gửi bản điện tử);

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Giám đốc, trường khối;
- Lưu VT, BTXH.

**GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Sở Lao động Thương binh  
và Xã Hội  
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng  
Thời gian ký: 16/07/2021  
15:22:13

**Hoàng Thị Mỹ Hào**



Số: 1023/BC-SLĐTBXH

Cao Bằng, ngày 16 tháng 7 năm 2021

**BÁO CÁO GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH**  
**Về dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã**  
**hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;  
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Công văn số 245/BTXH- CSBTXH ngày 25/5/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc triển khai thực hiện Nghị định số 20/2021 ngày 15/3/2021 của Chính phủ.

Căn cứ Công văn số 534/VP-VX ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc tham mưu triển khai thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 380/UBND-TH ngày 23/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng nghị quyết trình kỳ họp tháng 7/2021;

Căn cứ công văn số 108a/HĐND-CTHD ngày 16/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc bổ sung danh mục Nghị quyết trình kỳ họp thứ hai HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026;

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh



Cao Bằng. Trên cơ sở báo cáo thẩm định số 128/BCTĐ-STP ngày 16/7/2021 của Sở Tư pháp. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định như sau:

### **1. Những nội dung tiếp thu ý kiến thẩm định**

#### **Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên**

Nội dung của dự thảo nghị quyết phù hợp với quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Bên cạnh đó đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét, chỉnh sửa các nội dung sau:

- Tại điểm c khoản 3 Điều 1 dự thảo quy định “*Thời gian áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội: Thực hiện theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội*”. Nghị định số 20/2021/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021; tuy nhiên, theo quy định tại Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn quy phạm pháp luật thì hiệu lực của nghị quyết HĐND tỉnh được xác định như sau:

#### **“Điều 151. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật**

*1. Thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; không sớm hơn 07 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã. ...”*

Khoản 3 Điều 152 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định “*Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân, Ủy ban nhân dân các cấp, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt không được quy định hiệu lực trở về trước*”.

Do đó, việc dự thảo quy định như trên là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị cơ quan soạn thảo cần xem xét quy định cho phù hợp.



- Tại khoản 4 Điều 1, đề phù hợp với nội dung của văn bản quy phạm pháp luật đề nghị bỏ nội dung “*sẽ thực hiện chi trả cho đối tượng khi có kinh phí Trung ương cấp cho tỉnh*”.

- Tại Điều 2, dự thảo cần bỏ nội dung “*Nghị quyết có hiệu lực thi hành 10 ngày kể từ ngày thông qua*”, vì hiệu lực thi hành của nghị quyết đã được quy định tại Điều 3 của dự thảo.

**Đã tiếp thu, chỉnh sửa Dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm định của Sở Tư Pháp.**

**2. Những nội dung không tiếp thu ý kiến thẩm định, nội dung bổ sung:**  
không có.

Trên đây là báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định về dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc, trường khối;
- Lưu VT, BTXH.

**GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Sở Lao động Thương  
binh và Xã Hội  
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng  
Thời gian ký: 16/07/2021  
17:28:45

**Hoàng Thị Mỹ Hảo**



**UBND TỈNH CAO BẰNG  
SỞ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Cao Bằng, ngày tháng 7 năm 2021*

**BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH TIẾP THU**

**Ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức đối với dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Ngày 8 tháng 6 năm 2021 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 770/SLĐT BXH-BTXH về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành liên quan của tỉnh và UBND các huyện, thành phố:

- Số đơn vị được gửi lấy ý kiến: 17 đơn vị.

- Số đơn vị đã có ý kiến tham gia: 13 đơn vị.

- Số đơn vị chưa tham gia ý kiến: 4 đơn vị (gồm: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục - Đào tạo, UBND các huyện: Bảo Lạc, Nguyên Bình).

Trên cơ sở các ý kiến đóng góp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến như sau:

STT	Cơ quan đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến của cơ quan soạn thảo
1	UBMTTQ tỉnh	Nhất trí với nội dung dự thảo, do định mức cũ không còn phù hợp	
2	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Nhất trí với nội dung dự thảo	
3	Sở Y tế	Nhất trí với nội dung dự thảo	
		Tại khoản 1, điều 3 đề xuất sửa lại là: "Hội đồng nhân dân tỉnh giao	



STT	Cơ quan đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến của cơ quan soạn thảo
4	Sở Tài chính	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.”</p> <p>Các ý kiến thực hiện Nghị quyết Sở Tài chính đã góp ý tại Công văn số 1065/STC-HCSN ngày 4/6/2021 như sau:</p> <p>2. Về nguồn lực thực hiện Nghị quyết: Do ngân sách nhà nước đảm bảo, sẽ thực hiện chi trả mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP từ ngày 01/7/2021 cho đối tượng khi có kinh phí Trung ương cấp cho tỉnh (ý kiến Sở Tài chính bổ sung tại cuộc họp ngày 5/7/2021)</p> <p>3. Tuy nhiên đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét lại một số nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng dự toán chi tiết chi trợ giúp đột xuất 60 tỷ mà đơn vị đang đề xuất, báo cáo số đang thực hiện, số đề nghị tăng.</li> <li>- Tại dự thảo so với Nghị định số 20/2021/NĐ-CP còn thiếu đối tượng hộ gia đình đang trực tiếp chăm sóc; nuôi dưỡng mỗi một người khuyết tật đặc biệt nặng 1,0. Đề nghị bổ sung vào điểm B chế độ đối với hộ gia đình, cá nhân chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng, để dự kiến nguồn lực cho chính xác.</li> </ul> <p>- Đề nghị đơn vị giải trình rõ mức trợ cấp tại mục 4.4 điểm C. Chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tại Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức trợ cấp là 2.750.000 đồng/người/năm và dự kiến mức mới là 5.000.000 đồng/người/năm.</li> <li>+ Theo quy định tại dự thảo Thông tư hướng dẫn, thì mức chi Cấp vật dụng phục vụ sinh hoạt thường ngày chăn, màn, chiếu, quần áo mùa hè, quần áo mùa đông, quần áo lót, khăn mặt, dây, dép, bàn chải</li> </ul>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa</p> <p>Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20</p>



STT	Cơ quan đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến của cơ quan soạn thảo
		<p>đánh rằng, thuốc chữa bệnh thông thường, vệ sinh cá nhân hàng tháng đối với đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ là 780.000đồng/người/năm. Như vậy mức chi hiện tại đang thực hiện đã cao hơn 3 lần mức trung ương đang dự kiến. Đề nghị đơn vị làm rõ lại nội dung này .</p>	
		<p><b>Đổi với dự thảo Tờ trình</b>          Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa Tờ trình UBND tỉnh về dự thảo nghị quyết cho phù hợp với mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/20216 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa</p>
		<p><b>2. Đối với dự thảo Nghị quyết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại phần căn cứ pháp lý</li> <li>+ Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung căn cứ: “<i>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020</i>”.</li> <li>+ Tại căn cứ thứ 4, sau căn cứ đề nghị bổ sung dấu chấm phẩy (;).</li> <li>- Tại Điều 1, để đảm bảo tính logic, hợp lý của nội dung dự thảo, nên gộp nội dung Điều 2 về quy định tại Điều 1; xem xét, bổ sung quy định về nguồn kinh phí thực hiện. Đồng thời, chỉnh sửa, kết cấu, bố cục Điều 1 như sau: “<b>Điều 1.</b> Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như</li> </ul>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa</p>



STT	Cơ quan đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến của cơ quan soạn thảo
5	Sở Tư pháp	<p>sau:</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh...</p> <p>2. Đối tượng áp dụng</p> <p>a)... b)...</p> <p>3. Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội...</p> <p>4. Nguồn kinh phí thực hiện..."</p> <p>- Tại Điều 2, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 và tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định "thời gian áp dụng: Từ 01/7/2021". Tuy nhiên, HĐND tỉnh khóa XVII kỳ họp thứ 2 dự kiến tổ chức họp vào tháng 8/2021 và hiệu lực của văn bản phải được thực hiện theo quy định tại Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: "Điều 151. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>1. Thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; không sớm hơn 07 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa</p>



STT	Cơ quan đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến của cơ quan soạn thảo
		<p><i>dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã. ...”</i></p> <p>Khoản 3 Điều 152 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định “<i>Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân, Ủy ban nhân dân các cấp, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt không được quy định hiệu lực trở về trước”</i>. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo cần bỏ quy định tại khoản 3 Điều 2 nêu trên.</p>	
6	Huyện Hạ Lang	<p>- Tại Điều 3 và Điều 4, đề nghị dự thảo chỉnh sửa như sau: “<b>Điều 2.</b> Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.</p> <p><b>Điều 3.</b> Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.</p> <p>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày... tháng... năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày... tháng... năm 2021./.”.</p>	Đã tiếp thu, chỉnh sửa
7	Huyện Hà Quảng	Nhất trí với nội dung dự thảo, không có ý kiến gì thêm	
8	Huyện Quảng Hòa	Nhất trí với nội dung dự thảo, không có ý kiến gì thêm	
9	Huyện Trùng Khánh	Nhất trí với nội dung dự thảo, không có ý kiến gì thêm	
10	Huyện Bảo Lâm	<p>Nghị quyết cần ghi rõ phạm vi đối tượng, mức chuẩn trợ giúp, mức trợ giúp xã hội cho từng đối tượng và quy trình tổ chức thực hiện</p> <p>Cần bổ sung mục kinh phí thực hiện và mức chi hỗ trợ cho người trực tiếp làm công tác chi trả và quản lý đối tượng bảo trợ xã hội</p>	<p>Đã có trong dự thảo Nghị quyết</p> <p>Không chỉnh sửa theo góp ý vì đây là Nghị</p>



STT	Cơ quan đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến của cơ quan soạn thảo
		theo Quyết định số: 856/2011/QĐ-UBND ngày 13/5/2011 của UBND tỉnh Cao Bằng	quyết trình HĐND tỉnh, các nội dung huyện đề nghị thuộc văn bản hướng dẫn.
11	Huyện Hòa An	Nhất trí với nội dung dự thảo, không có ý kiến gì thêm	
12	Huyện Nguyên Bình	Nhất trí với nội dung dự thảo, không có ý kiến gì thêm	
13	Huyện Thạch An	Nhất trí với nội dung dự thảo, không có ý kiến gì thêm	

**GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Thị Mỹ Hảo**